

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**BỘ THÔNG TIN VÀ
TRUYỀN THÔNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 24/2011/TT-BTTTT

*Hà Nội, ngày 20 tháng 9 năm 2011***THÔNG TƯ****Quy định về việc tạo lập, sử dụng và lưu trữ dữ liệu đặc tả
trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử
của cơ quan nhà nước**

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 187/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Ứng dụng công nghệ thông tin,

QUY ĐỊNH:**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định việc tạo lập, sử dụng và lưu trữ dữ liệu đặc tả trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tổng cục, Cục và cơ quan tương đương; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan chuyên môn trực thuộc; Ủy ban nhân dân các huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi là cơ quan chủ quản).

2. Khuyến khích các cơ quan, tổ chức không thuộc đối tượng áp dụng nêu trên vận dụng và thực hiện những quy định tại Thông tư này một cách phù hợp.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Dữ liệu đặc tả (*Metadata*) là những thông tin mô tả các đặc tính của dữ liệu như nội dung, định dạng, chất lượng, điều kiện và các đặc tính khác nhằm tạo thuận lợi cho quá trình tìm kiếm, truy cập, quản lý và lưu trữ dữ liệu.

2. Chuẩn Dublin Core về dữ liệu đặc tả là một tập bao gồm 15 yếu tố dữ liệu đặc tả cơ bản được sử dụng để mô tả tài nguyên.

3. Yếu tố dữ liệu đặc tả là thuộc tính được sử dụng để mô tả một tài nguyên thông tin. Mỗi yếu tố dữ liệu đặc tả có thể có một hoặc nhiều yếu tố con. Mỗi yếu tố dữ liệu đặc tả được xác định bởi hai thuộc tính chính là tên và nội dung.

4. Yếu tố con của dữ liệu đặc tả là yếu tố được sử dụng kết hợp với yếu tố dữ liệu đặc tả để mô tả cụ thể hơn về tài nguyên thông tin.

5. Nội dung của dữ liệu đặc tả là giá trị được gán cho từng yếu tố hoặc yếu tố con của dữ liệu đặc tả.

6. Cú pháp của dữ liệu đặc tả là quy tắc tạo ra các trường cấu trúc hoặc các yếu tố của dữ liệu đặc tả, được biểu diễn qua một số ngôn ngữ đánh dấu hoặc ngôn ngữ lập trình khác nhau.

7. Dữ liệu đặc tả miêu tả là dữ liệu đặc tả mô tả tài liệu để phát hiện và nhận dạng.

8. Kho lưu trữ dữ liệu đặc tả là cơ sở dữ liệu lưu trữ dữ liệu đặc tả để bảo đảm tính nhất quán, độ tin cậy và tính sẵn có của thông tin được truy cập.

Chương II **DỮ LIỆU ĐẶC TẢ**

Điều 4. Các yếu tố dữ liệu đặc tả

Các yếu tố dữ liệu đặc tả được sử dụng theo chuẩn Dublin Core như sau:

1. Các yếu tố bắt buộc sử dụng bao gồm: tiêu đề, người tạo, thời gian, mô tả, cơ quan ban hành và yếu tố định danh.

2. Các yếu tố khuyến nghị sử dụng (nên được sử dụng): ngôn ngữ, nguồn, người cộng tác và chủ đề.

3. Các yếu tố tùy chọn (tùy chọn sử dụng để có thêm thông tin): phạm vi, dạng, định dạng, quan hệ và các quyền.

Các yếu tố dữ liệu đặc tả được giải thích cụ thể tại Phụ lục I của Thông tư này.

Điều 5. Quy định đối với thuộc tính nội dung của yếu tố dữ liệu đặc tả

1. Không được để trống đối với những yếu tố dữ liệu đặc tả bắt buộc sử dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư này.

2. Phải được thể hiện bằng tiếng Việt sử dụng bộ ký tự và mã hóa cho tiếng Việt theo tiêu chuẩn TCVN 6909:2001 đối với các mục thông tin theo quy định tại Điều 6 Thông tư này và thể hiện bằng tiếng Anh đối với các mục thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 43/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định về

việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.

3. Phải bảo đảm cô đọng và có ý nghĩa, mô tả ngắn gọn nội dung thông tin cần mô tả.

4. Phải được phân biệt bởi dấu chấm phẩy (;) trong trường hợp thuộc tính nội dung có nhiều giá trị khác nhau.

Chương III

SỬ DỤNG, TẠO LẬP, LƯU TRỮ VÀ CẬP NHẬT DỮ LIỆU ĐẶC TẢ

Điều 6. Thông tin bắt buộc sử dụng dữ liệu đặc tả

1. Trang chủ của cổng thông tin điện tử.

2. Thông tin giới thiệu về cơ quan chủ quản.

3. Toàn bộ tin, bài trong các mục sau:

a) Tin tức, sự kiện;

b) Thông tin chỉ đạo, điều hành;

c) Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật, chế độ, chính sách;

d) Chiến lược, định hướng, quy hoạch, kế hoạch phát triển.

4. Các trang thông tin về:

a) Văn bản quy phạm pháp luật và văn bản quản lý hành chính;

b) Dịch vụ công trực tuyến;

c) Thông tin của mỗi số công báo trong mục Công báo điện tử;

d) Dự án, hạng mục đầu tư, đấu thầu, mua sắm công;

đ) Chương trình, đề tài khoa học;

e) Báo cáo thống kê;

g) Thông tin tiếng nước ngoài theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 43/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.

5. Khuyến khích cơ quan chủ quản tạo lập dữ liệu đặc tả cho các thông tin khác trên cổng thông tin điện tử.

Điều 7. Tạo lập dữ liệu đặc tả

1. Cơ quan chủ quản có trách nhiệm tạo lập dữ liệu đặc tả cho các mục thông tin trên cổng thông tin điện tử quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 6 Thông tư này. Đối với dữ liệu đặc tả miêu tả, người tạo ra nguồn thông tin sẽ là người tạo lập dữ liệu đặc tả.

2. Việc tạo lập dữ liệu đặc tả được thực hiện theo một trong những phương pháp sau:

a) Chèn trực tiếp dữ liệu đặc tả trong mã nguồn của mỗi trang thông tin (web page) theo cú pháp được mô tả tại Phụ lục II Thông tư này;

b) Sử dụng các công cụ cho phép tạo lập dữ liệu đặc tả được tích hợp sẵn trong hệ thống công thông tin điện tử;

c) Sử dụng các công cụ độc lập hỗ trợ tạo lập dữ liệu đặc tả tự động cho từng trang thông tin. Trong trường hợp này, cơ quan chủ quản có trách nhiệm bảo đảm nội dung của dữ liệu đặc tả theo quy định tại Điều 5 Thông tư này.

Điều 8. Lưu trữ dữ liệu đặc tả

Cơ quan chủ quản lựa chọn một trong hai hình thức sau để lưu trữ dữ liệu đặc tả:

1. Lưu trữ trực tiếp trong mã nguồn của mỗi trang thông tin trong hệ thống công thông tin điện tử của cơ quan chủ quản.

2. Sử dụng kho lưu trữ dữ liệu đặc tả hoặc hệ quản trị cơ sở dữ liệu để lưu trữ dữ liệu đặc tả theo phương pháp tạo lập quy định tại điểm b và c khoản 2 Điều 7 Thông tư này.

Điều 9. Cập nhật dữ liệu đặc tả

1. Khi thay đổi nội dung thông tin đối với các mục thông tin có sử dụng dữ liệu đặc tả, cơ quan chủ quản có trách nhiệm kiểm tra để cập nhật dữ liệu đặc tả nếu cần thiết. Việc kiểm tra, cập nhật dữ liệu đặc tả phải được thực hiện ngay sau khi thay đổi nội dung thông tin.

2. Đối với các mục thông tin quy định bắt buộc sử dụng dữ liệu đặc tả đã được đăng tải trên công thông tin điện tử trước ngày Thông tư này có hiệu lực, khuyến khích cơ quan chủ quản bổ sung, cập nhật dữ liệu đặc tả cho các mục thông tin này.

Điều 10. Bảo đảm việc truy cập và kết xuất dữ liệu đặc tả

Cơ quan chủ quản có trách nhiệm bảo đảm dữ liệu đặc tả được truy cập và kết xuất để thuận tiện trong việc liên kết, tích hợp thông tin với công thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước khác.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm của cơ quan chủ quản

1. Thực hiện theo các quy định tại Thông tư này để đảm bảo dữ liệu đặc tả được tạo lập và cập nhật đầy đủ.

2. Bảo đảm máy móc, trang thiết bị để phục vụ cho việc tạo lập và quản lý dữ liệu đặc tả; rà soát, nâng cấp, bổ sung công cụ tạo lập và lưu trữ dữ liệu đặc tả cho hệ thống công thông tin điện tử.

3. Bảo đảm nhân lực và kinh phí cho việc tạo lập, lưu trữ và cập nhật dữ liệu đặc tả cho công thông tin điện tử.

Điều 12. Trách nhiệm hướng dẫn thi hành

1. Cục Ứng dụng công nghệ thông tin - Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm tuyên truyền, hướng dẫn, đôn đốc và phối hợp việc thực hiện các nội dung

của Thông tư này; nghiên cứu đề xuất sử dụng công cụ thống nhất để tạo lập dữ liệu đặc tả và xây dựng kho lưu trữ dữ liệu đặc tả chung cho các cơ quan nhà nước; hàng năm đánh giá, công bố việc sử dụng dữ liệu đặc tả trên cổng thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước.

2. Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện các nội dung của Thông tư này cho các cơ quan nhà nước tại địa phương.

3. Đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn việc thực hiện các quy định của Thông tư này cho các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

Điều 13. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2011.

2. Trong vòng 04 tháng kể từ ngày Thông tư có hiệu lực, cơ quan chủ quản phải đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 2, 3 Điều 11 tại Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân cần phản ánh kịp thời về Bộ Thông tin và Truyền thông để xem xét, bổ sung, sửa đổi./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Minh Hồng

Phụ lục I
CÁC YẾU TỐ DỮ LIỆU ĐẶC TẢ

1. Các yếu tố dữ liệu đặc tả theo chuẩn Dublin Core

TT	Yếu tố dữ liệu đặc tả		Quy định áp dụng
	Tiếng Việt	Tiếng Anh	
1	Tiêu đề	Title	Bắt buộc sử dụng
2	Người tạo	Creator	Bắt buộc sử dụng
3	Thời gian	Date	Bắt buộc sử dụng
4	Cơ quan ban hành	Publisher	Bắt buộc sử dụng
5	Mô tả	Description	Bắt buộc sử dụng
6	Định danh	Identifier	Bắt buộc sử dụng
7	Ngôn ngữ	Language	Khuyến nghị sử dụng
8	Nguồn	Source	Khuyến nghị sử dụng
9	Người cộng tác	Contributor	Khuyến nghị sử dụng
10	Chủ đề	Subject	Khuyến nghị sử dụng
11	Phạm vi	Coverage	Tùy chọn sử dụng
12	Dạng	Type	Tùy chọn sử dụng
13	Định dạng	Format	Tùy chọn sử dụng
14	Quan hệ	Relation	Tùy chọn sử dụng
15	Các quyền	Rights	Tùy chọn sử dụng

2. Mô tả từng yếu tố dữ liệu đặc tả:

2.1. Tiêu đề (Title)

Tên yếu tố	Title
Định nghĩa	Thông tin về tên gọi của dữ liệu được mô tả.
Ví dụ	<meta name="DC.Title" content="Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư quy định về sử dụng dữ liệu đặc tả">

2.2. Người tạo (Creator)

Tên yếu tố	Creator
Định nghĩa	Thông tin về cá nhân (một hoặc nhiều người) trực tiếp tham gia vào quá trình tạo lập dữ liệu được mô tả.
Ví dụ	<meta name="DC.Creator" content="Nguyễn Văn A">

2.3. Thời gian (Date)

Tên yếu tố	Date
Định nghĩa	Thông tin về thời gian gắn với các sự kiện liên quan đến dữ liệu được mô tả. Khuyến nghị việc mã hóa giá trị ngày tháng theo tiêu chuẩn ISO 8601[W3CDTF] bao gồm ngày, tháng, năm, giờ, phút, giây theo dạng YYYY-MM-DDTHH-MM-SS.
Ví dụ	<meta name="DC.Date" scheme="W3CDTF" content="2011-08-16T09-15-35">

Các yếu tố con có thể sử dụng cùng yếu tố thời gian:

1. Date.Created	Tên	Created (Ngày tạo)
	Định nghĩa	Ngày tạo thông tin.
2. Date.Modified	Tên	Modified (Ngày sửa)
	Định nghĩa	Ngày sửa đổi thông tin.
3. Date.Valid	Tên	Valid (Ngày hiệu lực)
	Định nghĩa	Ngày thông tin có hiệu lực.
4. Date.Issued	Tên	Issued (Ngày ban hành)
	Định nghĩa	Ngày phát hành chính thức (công bố) thông tin.

2.4. Cơ quan ban hành (Publisher)

Tên yếu tố	Publisher
Định nghĩa	Thông tin về cơ quan, tổ chức có liên quan đến việc ban hành, xuất bản, công bố nội dung của dữ liệu được mô tả.
Ví dụ	<meta name="DC.Publisher" content="Cục Ứng dụng công nghệ thông tin">

2.5. Mô tả (Description)

Tên yếu tố	Description
Định nghĩa	Thông tin tóm tắt về nội dung của dữ liệu được mô tả.
Ví dụ	<meta name="DC.Description" content="Xin ý kiến về dự thảo Thông tư quy định về sử dụng dữ liệu đặc tả cho cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước">

2.6. Định danh (*Identifier*)

Tên yếu tố	Identifier
Định nghĩa	Thông tin về tham chiếu duy nhất tới tài liệu được mô tả trong một bối cảnh cụ thể. Thông thường giá trị là URI (Uniform Resource Identifier) bao gồm URL (Uniform Resource Locator), DOI (Digital Object Identifier) và ISBN (International Standard Book Number).
Ví dụ	<meta name="DC.Identifier" content="http://diap.gov.vn/van_ban_quy_pham_phap_luat">

2.7. Ngôn ngữ (*Language*)

Tên yếu tố	Language
Định nghĩa	Thông tin về ngôn ngữ trình bày nội dung của dữ liệu được mô tả. Sử dụng 3 chữ cái để mô tả theo tiêu chuẩn ISO 639-2.
Ví dụ	<meta name="DC.Language" content="vie">

2.8. Nguồn (*Source*)

Tên yếu tố	Source
Định nghĩa	Thông tin về xuất xứ, nguồn gốc, nơi truy cập, v.v... của dữ liệu được mô tả.
Ví dụ	<meta name="DC.Source" content="www.chinhphu.vn">

2.9. Người cộng tác (*Contributor*)

Tên yếu tố	Contributor
Định nghĩa	Thông tin về cá nhân (một hoặc nhiều người) tham gia đóng góp vào quá trình tạo lập dữ liệu được mô tả.
Ví dụ	<meta name="DC.Contributor" content="Nguyễn Văn B">

2.10. Chủ đề (*Subject*)

Tên yếu tố	Subject
Định nghĩa	Thông tin tổng quát, ngắn gọn về nội dung của dữ liệu được mô tả.
Ví dụ	<meta name="DC.Subject" content="Tin tức - Sự kiện">

2.11. Phạm vi (Coverage)

Tên yếu tố	Coverage
Định nghĩa	Thông tin về quy mô, phạm vi hoặc mức độ bao quát của dữ liệu được mô tả. Thông thường bao gồm vị trí không gian, khoảng thời gian.
Ví dụ	<meta name="DC.Coverage" content="Việt Nam">

2.12. Dạng (Type)

Tên yếu tố	Type
Định nghĩa	Thông tin về bản chất, trạng thái nguyên thủy hoặc thể loại bao gồm các thuật ngữ miêu tả việc phân loại chung, chức năng của dữ liệu được mô tả.
Ví dụ	<meta name="DC.Type" content="Text">

2.13. Định dạng (Format)

Tên yếu tố	Format
Định nghĩa	Thông tin về định dạng vật lý của dữ liệu được mô tả.
Ví dụ	<meta name="DC.Format" content="text/html">

2.14. Quan hệ (Relation)

Tên yếu tố	Relation
Định nghĩa	Thông tin về sự liên quan giữa dữ liệu được mô tả với các dữ liệu khác. Thông thường là nhận biết nguồn liên quan bằng xâu ký tự hoặc số phù hợp với hệ thống nhận biết chính thức.
Ví dụ	<meta name="DC.Relation" content="Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ">

2.15. Các quyền (Rights)

Tên yếu tố	Rights
Định nghĩa	Thông tin về các quyền sở hữu, truy xuất, chỉnh sửa,... liên quan đến dữ liệu được mô tả.
Ví dụ	<meta name="DC.Rights" content="Được truy cập nếu là thành viên">

Phụ lục II

CÚ PHÁP DỮ LIỆU ĐẶC TẢ

1. Cú pháp diễn tả dữ liệu đặc tả trong ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản (Hyper-Text Markup Language - HTML)

Dữ liệu đặc tả được đặt trong vùng giữa 02 thẻ <head> và </head> trong mã nguồn của trang thông tin theo cấu trúc:

```
<meta name="Tên yếu tố" content="Nội dung yếu tố dữ liệu đặc tả">
```

hoặc <meta name="Tên yếu tố. Yếu tố con" content="Nội dung yếu tố dữ liệu đặc tả">

Trong đó:

- “Tên yếu tố” là tên yếu tố dữ liệu đặc tả theo chuẩn Dublin Core và phải sử dụng tiền tố “DC.” để khai báo. Chữ cái đầu tiên của tên yếu tố và yếu tố con phải được viết hoa. Ví dụ:

```
meta name = “DC.Title”
```

```
meta name = “DC.Creator”
```

Đối với các yếu tố con, sử dụng dấu chấm (.) sau yếu tố dữ liệu đặc tả. Ví dụ:

```
meta name = “DC.Date.Created”
```

```
meta name = “DC.Date.Issued”
```

- “Nội dung yếu tố dữ liệu đặc tả” là giá trị được gán cho yếu tố dữ liệu đặc tả. Trường hợp có nhiều giá trị thì các giá trị được phân cách bằng dấu chấm phẩy (;).

2. Cú pháp dữ liệu đặc tả trong ngôn ngữ đánh dấu mở rộng (eXtensible Markup Language - XML)

Dữ liệu đặc tả được đặt trong vùng giữa 02 thẻ <head> và </head> trong mã nguồn của trang thông tin theo cấu trúc:

```
<DC: Tên yếu tố> Nội dung yếu tố dữ liệu đặc tả </DC: Tên yếu tố>
```

Trong đó:

- Tên yếu tố là tên yếu tố dữ liệu đặc tả theo chuẩn Dublin Core. Chữ cái đầu tiên của tên yếu tố phải được viết hoa.

- Nội dung yếu tố dữ liệu đặc tả là giá trị được gán cho yếu tố dữ liệu đặc tả.